**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**Qúy 1 năm 2024**

*Quỹ Hoán đổi danh mục ETF DCVFMVN DIAMOND*

1. **Thông tin chung về Quỹ**
2. **Mục tiêu của Quỹ**

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

1. **Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là **-6.97 %** so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo tại ngày 31 tháng 12 năm 2023; Trong khi giá trị của danh mục của chứng khoán cơ cấu thay đổi là 19.38%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là 19.49%.

1. **Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

Mục tiêu của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND.

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

1. **Phân loại Quỹ**

Quỹ thuộc loại quỹ Hoán đổi danh mục.

1. **Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Không có.

1. **Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Trung bình.

1. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 22 tháng 4 năm 2020.

1. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 518,300,000 giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ là 30,983.46 Đồng Việt Nam.

1. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Chỉ số tham chiếu của Quỹ chỉ số VN DIAMOND.

1. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

 Theo quy định của Điều lệ Quỹ hiện tại, Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND không phân phối lợi nhuận để hạn chế tối đa chi phí phát sinh cho nhà đầu tư. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tái đầu tư để gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

1. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ**

Không có.

1. **Số liệu hoạt động**
2. **Cơ cấu tài sản quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **31/03/2024** | **31/03/2023** | **31/03/2022** |
| Danh mục chứng khoán | 99.32% | 99.37% | 98.80% |
| Tài sản khác | 0.68% | 0.63% | 1.20% |
| **Cộng** | **100.00%** | **100.00%** | **100.00%** |

1. **Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/03/2024** | **31/03/2023** | **31/03/2022** |
| Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 16,058,727,502,246  | 18,444,953,668,093 | 15,486,009,740,868 |
| Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (VND) | 518,300,000 |  823,200,000 | 517,700,000 |
| Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND) | 30,983.46 | 22,406.40 | 29,913.09 |
| Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 31,008.22 | 24,413.86 | 29,913.09 |
| Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 25,952.34 | 21,759.12 | 26,614.29 |
| Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | 31,380 | 22,470 | 30,080 |
| Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 31,380 | 24,460 | 30,080 |
| Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 26,030 | 21,700 | 26,690 |
| Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 19.38% | 0.33% | 6.23% |
| *Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)* | 12.71% | -0.03% | 3.45% |
| *Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)* | 6.67% | 0.36% | 2.79% |
| Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND) |  Không có | Không có | Không có |
| Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND) |  Không có  | Không có | Không có |
| Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) |  Không có | Không có | Không có |
| Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1.04% | 1.04% | 1.06% |
| Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 44.02% | 25.20% | 14.21% |

1. **Tăng trưởng qua các thời kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ****(%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm****(%)** |
| 1 năm | 38.28 | 38.28 |
| 3 năm | 56.17 | 16.01 |
| Từ khi thành lập | 209.83 | 32.48 |
| Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | N/A | N/A |

1. **Tăng trưởng hàng năm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **31/03/2024** | **31/03/2023** | **31/03/2022** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 38.28 |  (25.10) |  50.77  |

1. **Mô tả thị trường trong kỳ**

VNINDEX tăng 2.5% trong tháng 3, đóng cửa tại mức 1,284.09 điểm, tăng 13.6% so với đầu năm. Thanh khoản trung bình trong quý 1 là hơn 21,360 tỷ đồng, tăng 35.7% so với quý 4 trước đó.

Những điểm chính của thị trường trong Q1/2024:

i. Thanh khoản bình quân mỗi phiên của VN-Index lên mức cao nhất trong hai năm và là tháng tăng thứ ba liên tiếp

ii. SSC mở đường giải quyết vấn đề cấp vốn trước. Điều này đã nhận được sự hoan nghênh từ cả Ngân hàng Thế giới và FTSE khi có thể  giảm bớt khó khăn giao dịch và thu hút dòng vốn quốc tế.

iii. Luật Đất đai sửa đổi hâm nóng thị trường bất động sản.

1. **Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**
2. **Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 7.16% | 39.07% | 95.70% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 31.12% | 17.09% | 114.14% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 38.28% | 56.17% | 209.83% |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ |  38.28% |  16.01% |  32.48% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu |  38.28% |  56.17% |  209.83% |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ |  39.65% |  57.77% |  198.86% |

● Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất như sau:

● Thay đổi giá trị tài sản ròng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/03/2024** | **31/12/2023** | **Tỷ lệ thay đổi** |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 16,058,727,502,246 | 17,261,394,813,137 | -6.97% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 30,983.46 | 25,953.08 | 19.38% |

Trong kỳ báo cáo từ 31/3/2023 đến 31/3/2024, thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng tốt tuy nhiên trong kì có sự rút vốn từ nhà đầu tư nên NAV có mức giảm nhẹ.

1. **Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ (Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| **(%)** |
| Dưới 5.000 | 4,073 | 3,939,756 | 0.76 |
| Từ 5.000 đến 10.000 | 320 | 2,143,423 | 0.41 |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 272 | 5,404,623 | 1.04 |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 97 | 15,988,088 | 3.08 |
| Trên 500.000 | 44 | 490,824,110 | 94.70 |
| **Tổng cộng** | 4,806 | 518,300,000 | 100 |

1. **Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của Công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

1. **Thông tin về triển vọng thị trường**

GDP Việt Nam quý I 2024 tăng 5,7% so với cùng kỳ, đánh dấu mức tăng trưởng quý 1 cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Cụ thể, đóng góp phần lớn vào tăng trưởng trên là ngành công nghiệp với xuất khẩu tăng 14% so với cùng kỳ trong tháng 3, tương ứng với tăng trưởng theo quý ở mức 17%, trong đó chủ yếu đến từ nhóm ngành đồ điện tử, dệt may và da giày. Nhóm ngành dịch vụ liên quan đến du lịch duy trì đà hồi phục và tăng trưởng khi du khách quốc tế vượt 1,6 triệu lượt, cao hơn 13% so với giai đoạn trước Covid, đóng góp bởi sự quay lại của nhóm khách Trung Quốc. Tuy nhiên tiêu dùng bán lẻ vẫn chưa quay trở lại mắc tăng trưởng bằng mức trước đại dịch Covid. Ở mặt khác, sự mạnh lên của đồng USD đang tạo ra những áp lực cho kinh tế Việt Nam. Kinh tế Việt Nam được dự phóng sẽ tăng trưởng ở mức GDP 6-6,5% trong năm 2024, mặc dù có những khó khăn trong ngắn hạn. Chúng tôi cho rằng chính sách tiền tệ vẫn sẽ tiếp tục được duy trì nới lỏng, tuy nhiên Ngân hàng nhà nước sẽ cân bằng hơn trong việc ổn định tỷ giá và lãi suất. Sau mức giảm mạnh 70-90 điểm cơ bản từ đầu năm, lãi suất huy động có thể sẽ tăng 30-50 điểm cơ bản trong các tháng tới. Đây có thể được coi như một đợt “điều chỉnh lãi suất giữa chu kỳ giảm lãi suất” để giảm bớt áp lực tỷ giá.

**Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ như sau:

|  | **Tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhân sự điều hành Quỹ  | Lương Thị Mỹ Hạnh | Giám đốc quản lý tài sản , khối trong nước | Thạc sỹ Kinh tế | -Từ 2010 đến 12/03/2021: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.-Từ 12/03/2021 đến nay là Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
| Vũ Đức Sửu | Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư | Thạc sỹ Toán giải tích và ứng dụng; Thạc sỹ Lý thuyết xác suất và thống kê toán học. | Từ 2010 đến 2015: Chuyên viên cao cấp phân tích đầu tư- Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.Từ 2016 đến 2020: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư - Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.Từ tháng 01/2021 đến nay Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư - Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam. |
|  |
| Ban đại diện Quỹ | Nguyễn Bội Hồng Lê | Chủ tịch  | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | -Từ 2010 đến 2012: Trưởng phòng giao dịch chứng khoán công ty CP chứng khoán dầu khí-Từ 2012 đến nay: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam |
| Vương Thị Hoàng Yến | Thành viên | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | - Từ tháng 8/2004 đến tháng 11/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Dệt Minh Thắng- Từ tháng 12/2007 đến tháng 4/2012: Kiểm toán viên, Trưởng phòng Kiểm toán Công ty Kiểm toán AS- Từ tháng 9/2012 đến 05/2013: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Công ty Hợp danh Kiểm toán F&A* Từ 06/2013 đến tháng 9/2016: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán Công ty Kiểm toán Đại Tín
* Từ tháng 10/2016 đến tháng 12/2019: Kiểm toán viên, Giám đốc Kiểm toán - Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín

-Từ tháng 01/2020 đến nay: Giám đốc nghiệp vụ Công ty TNHH Kiểm toán Chuẩn Vàng |
| Trần Ngọc Hân | Thành viên | Thạc sỹ Luật, Luật sư | -Từ 2015 đến nay: Chuyên viên cao cấp Pháp chế tuân thủ Cty CP Quản Lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
|  |
| Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ | Ông Beat Schurch | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ Kinh tế | -Từ 08/1996 đến 07/2002: DKSH Vietnam, Giám đốc phụ trách thị trường Việt Nam, Campuchia.- Từ 12/2002 đến 02/2004: Lanamatic Asia, Đại diện thường trú tại Thái Lan.- Từ 03/2004 đến 08/2006: Synovate Thailand, Trưởng bộ phận tư vấn kinh doanh.- Từ 09/2006 đến 03/2009: Indochina Capital Vietnam: Giám đốc Tài chính.- Từ 04/2009 đến 01/2020: Indochina Capital Vietnam: Giám đốc điều hành, bộ phận Vốn cổ phần.- Từ 03/2010 đến 03/2011: Dragon Capital Group: Giám đốc, phụ trách vận hành.- Từ 04/2011 đến 12/2016: VPĐD Dragon Capital Group Ltd tại Tp HCM: Trưởng Đại diện.- Từ 12/2016 đến 12/2020: VPĐD Dragon Capital Management (HK) Ltd tại Tp HCMC: Trưởng đại diện.- Từ 12/2020 đến nay: Tổng Giám đốc, công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam |

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ông **Lê Hoàng Anh**

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư